

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N B
TỈNH N B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79 /2020/HS-ST

Ngày: 25-05-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N B, TỈNH N B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Văn Tú

+ Bà Nguyễn Thị Thịnh

- Thư ký phiên toà: Bà Tổng Thị Huê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N B tham gia phiên toà: ông Mai Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2020/TLST- HS ngày 23 tháng 04 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72 /2020/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 05 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Đình Q** (Tên gọi khác: không), sinh năm 1971; Nơi ở và nơi ĐKKHTT: thôn Khê Thượng, xã N X, huyện H L, tỉnh N B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lưu Đình Đ (đã chết), con bà: Vũ Thị M (đã chết); bị cáo là con thứ 4/6 trong gia đình; Vợ: An Thị N, sinh năm 1971 (đã ly hôn), bị cáo có 2 con: lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991

Tiền án:

- Tại bản án số 31/2010/HSST ngày 25/11/2010 Tòa án nhân dân huyện H L tỉnh N B xử phạt 24 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” , 18 tháng tù về tội “ trộm cắp tài sản” buộc Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 42 tháng tù , bồi thường cho Trung tâm viễn thông huyện H L tỉnh N B số tiền 17.900.000đồng ; 200.000 đồng án phí hình sự và 895.000 đồng án phí dân sự. Ra

trại về địa phương ngày 26/4/2013, chấp hành xong án phí ngày 09/4/2011. Đối với số tiền 17.900.000 đồng Q phải bồi thường cho Trung tâm viễn thông huyện H L, tỉnh N B đến nay Trung tâm viễn thông không có đơn yêu cầu thi hành án nên Chi cục thi hành án dân sự huyện H L tỉnh N B không thụ lý.

Tiền sự : Không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 14/2004/HSST ngày 28/5/2004 Tòa án nhân dân huyện H L tỉnh N B xử phạt 24 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” phạt tiền bổ sung 5.000.000 đồng và 50.000 đồng án phí. Ra trại về địa phương ngày 28/4/2005, thi hành xong hình phạt tiền và án phí ngày 20/01/2005.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2020 tại trại tạm giam Công an tỉnh N B đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

1. Người làm chứng:

- Anh Trịnh Văn H, sinh năm 2002(vắng mặt);
- Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1951 (vắng mặt);
- Anh Lưu Đình Q , sinh năm 1983 (vắng mặt) ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Đình Q là đối tượng nghiện ma túy. Hồi 22 giờ 05 phút ngày 09/1/2020 Lưu Đình Q điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển kiểm soát 35B2-123.41 từ thôn Khê Thượng xã N X huyện H L tỉnh N B lên khu vực ngã ba G Kh thuộc địa phận xã G T huyện G Vi tỉnh N B tìm mua ma túy đá về sử dụng. Tại đây, Q gặp một người đàn ông không quen biết đứng ở ven đường, Q biết người này có bán ma túy nên nói “ bán cho ba trăm” ý Q nói người này bán cho ba trăm nghìn ma túy đá, người này đồng ý bán sau đó Q đưa cho người đàn ông này 300.000 đồng, người này cầm tiền và đưa lại cho Q 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng 1x1cm, bên trong có chất tinh thể màu trắng. Biết là ma túy đá, Q cầm và cất giấu vào túi quần bò bên phải phía trước đang mặc và điều khiển xe moto đi về thành phố N B tìm chỗ sử dụng . Khoảng 23 giờ 05 phút cùng ngày, Lưu Đình Q điều khiển xe moto về đến khu vực đường Lê Đại Hành phố Th S phường Th B

thành phố N B thì bị Tổ công tác phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh N B làm nhiệm vụ tại khu vực yêu cầu dừng xe kiểm tra hành chính. Q đã tự giác lấy ở túi quần bỏ phía trước bên phải đang mặc ra 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (1x1cm) bên trong có chất tinh thể màu trắng giao nộp cho Tổ công tác và khai nhận đó là ma túy đá vừa mua của một người đàn ông không quen biết về để sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng do Q giao nộp theo quy định sau đó đưa Q cùng vật chứng về trụ sở Công an phường Th B, thành phố N B để lập biên bản. Ngoài ra còn thu giữ của Q 01 xe moto hiệu Yamaha Nouvo biển kiểm soát 35B2-123.41 và tiến hành bàn giao Q cùng vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N B giải quyết theo quy định.

Tiến hành cân xác định trọng lượng chất tinh thể màu trắng thu giữ của Lưu Đình Q có khối lượng 0,31 gam kí hiệu M gửi giám định để xác định loại ma túy, khối lượng chất ma túy .

Tại bản kết luận giám định số 55/KLGD-PC09-MT ngày 11/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N B kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,3006 gam, đều là ma túy loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II có STT 323 theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định gồm: 0,1729 gam chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu giám định ký hiệu M là ma túy, loại Methamphetamine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong ban đầu. Như vậy, tổng khối lượng Methamphetamine Lưu Đình Quế tàng trữ trái phép là 0,3006 gam.

Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 22/04/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B tỉnh N B đã truy tố Lưu Đình Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lưu Đình Q đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lưu Đình Q từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với số vật chứng nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng là: 0,1729 gam là ma túy loại Methamphetamine còn lại sau khi gửi giám định cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Đình Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Vào 23 giờ 05 phút ngày 09/01/2020 tại đường Lê Đại Hành, phố Th S, phường Th B, thành phố N B. Lưu Đình Q có hành vi cất giấu trái phép 0,3006 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng thì bị phát hiện.

Lời khai của bị cáo phù hợp khách quan với biên bản sự việc, biên bản niêm phong vật chứng bị thu giữ, biên bản về việc mở niêm phong, cân xác định khối lượng, thu mẫu giám định, niêm phong lại; bản kết luận giám định và lời khai người làm chứng. Do vậy khẳng định hành vi của bị cáo Lưu Đình Q cất giấu trái phép 0,3006 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng là phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất hành vi và mức độ phạm tội của bị cáo cho thấy: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Lưu Đình Q thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý Nhà nước về các chất ma túy là một trong những khách thể quan trọng đang được Luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi bản thân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, về việc pháp luật xử lý nghiêm các hành vi phạm tội về ma túy, tuy nhiên chỉ vì ham muốn của bản thân bị cáo đã phạm tội. Hành vi nghiện ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo làm băng hoại giá trị đạo đức, lối sống của cộng đồng, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác; ma túy đã làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt về các hành vi liên quan đến ma túy và trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học tự rèn mình, mà vẫn tiếp tục lao vào con đường phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do vậy, để giữ nghiêm kỷ cương phép nước, có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung thì việc đưa ra xét xử buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi phạm tội của mình là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian nhất định để bị cáo tự cải tạo mình trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lưu Đình Q đã bị xử phạt bằng bản án số 31/2010/HSST ngày 25/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện H L tỉnh N B, bị cáo Q đã chấp hành xong hình phạt chính là hình phạt tù từ ngày 26/4/2013. Đối với phần trách nhiệm dân sự của bản án này buộc bị cáo phải bồi thường cho Trung tâm viễn thông H L số tiền 17.900.000 đồng, bị cáo chưa thi hành do trong biên bản xác minh (BL 51) của Công an thành phố N B xác định Trung tâm viễn thông H L không có đơn yêu cầu nên Chi cục thi hành án dân sự H L không thụ lý.

Xét thấy: Điều 7a Luật thi hành án dân sự quy định quyền và nghĩa vụ của người phải thi hành án, có quyền : tự nguyện thi hành án... và có nghĩa vụ thi hành đầy đủ, kịp thời bản án, quyết định... Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự quy định

về việc áp dụng thời hiệu yêu cầu thi hành án đối với người được thi hành án và người phải thi hành án nhưng bị cáo Quế không có đơn yêu cầu thi hành án và theo quy định của pháp luật, bị cáo vẫn phải có nghĩa vụ thi hành quyết định của bản án (dù cơ quan thi hành án có ra quyết định thi hành án hay không). Điều 70 Bộ luật hình sự quy định về các điều kiện đương nhiên được xóa án tích, trong đó có điều kiện: người bị kết án nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách của án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án. Như vậy, Bộ luật hình sự không quy định trường hợp loại trừ việc người bị kết án chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án với bất kỳ lý do gì (Văn bản số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao). Do vậy, xác định bị cáo Lưu Đình Q chưa được xóa án tích của bản án năm 2010, mà lại phạm tội do cố ý là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi bị cơ quan công an kiểm tra bị cáo đã tự giác giao nộp gói ma túy nên được xem xét áp dụng điểm r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số vật chứng là mẫu giám định còn lại có khối lượng 0,1729 gam Methamphetamine và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong, đã được niêm phong lại theo đúng quy định của pháp luật, đều là vật Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

[6] Các vấn đề khác:

- Về nguồn gốc ma túy, Lưu Đình Q khai mua của một người đàn ông không quen biết đứng ở ven đường khu vực ngã ba Gián Khẩu, xã Gi Tr, huyện Gi Vi, tỉnh N B nên cơ quan điều tra không đủ cơ sở để làm rõ.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển kiểm soát 35B2-123.41 thu giữ của Lưu Đình Q. Quá trình điều tra, Quế khai mượn của anh Lưu Đình Q1 sinh năm 1983 trú tại thôn Khê Thượng, xã N X, huyện H L, tỉnh N B vào ngày 09/1/2020 để đi có việc, anh Q1 không biết việc Q sử dụng xe moto làm phương tiện đi mua ma túy. Tiến hành làm việc với anh Q1, anh Q1 cho biết chiếc xe ô tô trên thuộc quyền sở hữu của anh Q1, chiếc xe trên anh Q1 mua lại của anh Nguyễn

Văn L, sinh năm 1984 trú tại xã N X, huyện H L, tỉnh N B vào ngày 02/10/2017 với giá 31.000.000 đồng. Sau khi mua xe anh Q không làm thủ tục sang tên đổi chủ nên đăng ký xe vẫn mang tên anh Nguyễn Văn L. Ngày 09/1/2020 anh Q cho Q1 mượn xe mô tô nhưng không biết Q sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Q1 chiếc xe mô tô trên là có căn cứ.

[7] Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Đình Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
Xử phạt Lưu Đình Q **17 (mười bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy:

- 02 phong bì thư dán kín, niêm phong theo đúng quy định của pháp luật (Chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/5 /2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N B và Chi cục thi hành án dân sự thành phố N B).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lưu Đình Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND TP. N B;
- CA TP N B;
- UBND xã N X, H L, NB;
- THADS TP. Ninh Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Lưu VP, HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Phương

